

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày 11 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hải Phú
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST- TCDS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-TCDS ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T;

Địa chỉ: Số 198 đường Trần Quang Khải, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T chi nhánh Quảng Bình

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh B - Giám đốc Ngân hàng T chi nhánh Quảng Bình

Người được uỷ quyền lại: Ông Phan Anh L - Trưởng phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng T chi nhánh Quảng Bình

Địa chỉ: Số 01C đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm: 1979 và chị Phạm Thị C, sinh năm: 1986;

Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn C và bà Mai Thị T

Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2022, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) trình bày:

- Ngày 10/01/2017, Ngân hàng V và anh Trần Văn H, chị Phạm Thị C ký kết Hợp đồng cho vay bất động sản số 05/2017/NHNT để vay số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; mục đích là thanh toán tiền mua nguyên vật liệu sửa chữa nhà ở; lãi suất cho vay là 8,5%/năm, lãi suất cố định trong 02 năm đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất sau thời gian ưu đãi. Sàn lãi suất cho vay = Lãi suất huy động VNĐ 24 tháng trả lãi sau của VCB cộng (+) 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ của sản phẩm theo thông báo của VCB Quảng Bình tại thời điểm đó; lãi suất quá hạn 130%/năm lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn;

- Ngày 05/02/2018, Ngân hàng V và chị Phạm Thị C ký kết Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 55/2018/VCBQB để vay số tiền là 280.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích mua sắm thiết bị nội thất, lãi suất cho vay 11%/năm. Bảng lãi suất VNĐ kỳ hạn 12 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân VCB cộng (+) 4,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn lãi suất quy định trong từng thời kỳ; lãi quá hạn 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, anh H, chị C đã thế chấp Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1321, tờ bản đồ số 3 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, diện tích 202,4m² và tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 05/2017/VCB.QB ngày 04/01/2017 để thế chấp cho Ngân hàng Vietcombank

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H, chị C đã thực hiện trả nợ số tiền của cả hai hợp đồng là 511.463.356 đồng (trong đó, tiền gốc là 325.522.708 đồng, tiền lãi là 185.940.648 đồng).

Tháng 8/2020 anh H, chị C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên vi phạm cam kết, không hợp tác trả nợ. Tính đến ngày 11/9/2023, số tiền nợ gốc và lãi mà anh H, chị C còn nợ của Ngân hàng V là 635.314.306 đồng (trong đó, số tiền nợ gốc của Hợp đồng cho vay bất động sản số 05/2017/NHNT ngày 10/01/2017 là 221.977.292 đồng, nợ lãi là 89.534.458 đồng và số tiền nợ gốc của Hợp đồng số 55/2018/VCBQB ngày 05/02/2018 là 232.500.000 đồng, nợ lãi là 91.302.556 đồng)

Ngân hàng V đã nhiều lần thông báo, làm việc yêu cầu trả nợ nhưng anh H, chị C vẫn cố tình không trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng yêu cầu anh H, chị C trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/9/2023 là 635.314.306 đồng. Trường hợp anh H, chị C không trả được nợ thì Ngân hàng V yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo bản tự khai, tại các phiên hòa giải, bị đơn anh Trần Văn H và chị Phạm Thị C trình bày:

Anh , chị C thừa nhận vợ chồng anh chị đã ký kết với Ngân hàng V các Hợp đồng tín dụng vào ngày 10/01/2017 và ngày 05/02/2018 như phía ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, anh H, chị C vay cho người khác và không biết số tiền vay bao nhiêu, nhưng anh H, chị C đều thừa nhận quá trình ký kết các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nay Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu trả nợ thì anh chị có nguyện vọng xin được trả dần trong vòng 06 tháng và xin Ngân hàng xem xét miễn lãi.

Ngày 28/3/2023, Ngân hàng V và anh H, chị C đã thống nhất số tiền nợ còn lại và thỏa thuận phương án trả nợ như sau:

- Về số dư nợ gốc và lãi: Tính đến ngày 27/3/2023, anh H, chị C còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền 606.870.787 đồng. Trong đó (nợ gốc là 454.477.292 và nợ lãi là 152.393.495 đồng)

- Về phương thức trả nợ:

- + Chậm nhất đến ngày 25/6/2023, anh Trần Văn H và chị Phạm Thị C trả cho Ngân hàng V 30.000.000 đồng tiền gốc

- + Chậm nhất đến ngày 25/9/2023 anh Trần Văn H và chị Phạm Thị C trả cho Ngân hàng V toàn bộ số nợ gốc còn lại là 424.477.292 đồng và nợ lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết

- Về lãi suất: Các bên đương sự thống nhất trong trường hợp anh H, chị C thanh toán nợ đúng hạn thì Ngân hàng sẽ xem xét miễn, giảm tiền lãi

- Về án phí: Các bên đương sự thỏa thuận anh H, chị C phải nộp 14.137.000 đồng tiền án phí để sung vào công quỹ nhà nước.

Tuy nhiên, sau khi hòa giải Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1321, tờ bản đồ số 3 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, diện tích 202,4m² và tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4. Kết quả trên thửa đất nêu trên ông Trần Văn C và bà Mai Thị T (là bố mẹ ruột của anh Trần Văn H) đã xây 01 phần chái bếp ở cạnh phía Tây của thửa đất. Vì vậy, phía Ngân hàng V đã làm đơn xin thay đổi sự thỏa thuận và yêu cầu Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, buộc vợ chồng anh H, chị C trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng V

Theo Biên bản lấy lời khai ông C, bà T trình bày: phần chái bếp nằm trên thửa đất số 1321, tờ bản đồ số 3 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã cấp cho anh H, chị C do vợ chồng ông bà xây dựng vào năm 2019. Quá trình làm nhà, vợ chồng ông bà và vợ chồng anh H, chị C ở cạnh nhau (liền kề) có một phần đất trống nên ông bà xây dựng chái bếp để sinh hoạt. Nay Ngân hàng V khởi kiện anh H, chị C, trong trường hợp anh H, chị C không trả được nợ và Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp thì ông C, bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; các Điều 116, 117, 299, 398, 401, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Văn H, chị Phạm Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C và bà Mai Thị T

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc anh Trần Văn H và chị Phạm Thị C phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi của cả 02 Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 11/9/2023 số tiền là 635.314.306 đồng. Trong đó nợ gốc: 454.477.292 đồng, nợ lãi trong hạn 156.689.484 đồng, nợ lãi quá hạn 24.147.530 đồng cho Ngân hàng V.

Trường hợp ông H, bà C không trả được nợ thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 05/2017/VCB.QB ngày 04/01/2017 mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ.

Buộc ông Trần Văn C và bà Mai Thị T phải tháo dỡ toàn bộ phần chái bếp đã xây dựng trên cạnh phía Tây của thửa đất số 1321, tờ bản đồ số 3 tại thôn La Hà Tây, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình để trả lại nguyên hiện trạng đất cho anh H, chị C nhằm đảm bảo việc xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

Buộc anh Trần Văn H, chị Phạm Thị C phải nộp 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để trả lại cho Ngân hàng V

Buộc anh Trần Văn H, chị Phạm Thị C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định để sung vào công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng V có đơn khởi kiện về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với anh Trần Văn H và chị Phạm Thị C. Hiện tại anh H, chị C đang có

hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà vắng mặt bị đơn anh Trần Văn H, chị Phạm Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C và bà Mai Thị T nhưng xét thấy, Toà án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh Hải, chị Châu và ông C, bà T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn H, chị Phạm Thị C và ông Trần Văn C, bà Mai Thị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét Hợp đồng cho vay bất động sản số 05/2017/NHNT ngày 10/01/2017, được ký kết giữa Ngân hàng V với chị Phạm Thị C và Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 55/2018/VCBQB ngày 05/02/2018, được ký kết giữa Ngân hàng V với anh Trần Văn H, chị Phạm Thị C về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 398, 401 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, ngân hàng V đã giải ngân cho anh H, chị C vay tại Hợp đồng 05/2017/NHNT ngày 10/01/2017 với số tiền là 500.000.000 đồng và giải ngân cho chị C vay tại Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 55/2018/VCBQB ngày 05/02/2018 với tổng số tiền 280.000.000 đồng. Mặc dù tại Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 55/2018/VCBQB ngày 05/02/2018, chỉ có chị C ký. Tuy nhiên, mục đích vay tiền là để phục vụ nhu cầu đời sống, mua trang thiết bị nội thất gia đình. Quá trình giải quyết vụ án anh H, chị C cũng thừa nhận vay tổng số tiền gốc là 780.000.000 đồng. Vì vậy, xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh H, chị C. Quá trình thực hiện Hợp đồng anh H, chị C chỉ trả được 278.022.708 đồng tiền gốc và 119.769.580 đồng tiền lãi của Hợp đồng cho vay bất động sản số 05/2017/NHNT ngày 10/01/2017; trả được 47.500.000 đồng tiền gốc và 66.171.068 đồng tiền lãi của Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 55/2018/VCBQB ngày 05/02/2018 cho ngân hàng V. Mặc dù Ngân hàng V đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn nhưng anh H, chị C vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 11/9/2023 anh H, chị C còn dư nợ tại Ngân hàng V tổng số tiền của 02 Hợp đồng là 635.314.306 đồng (Trong đó nợ gốc: 454.477.292 đồng, nợ lãi trong hạn 156.689.484 đồng, nợ lãi quá hạn 24.147.530 đồng). Vì vậy, anh H, chị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Do đó, ngân hàng V khởi kiện yêu cầu anh H, chị C phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 11/9/2023 với tổng số tiền 635.314.306 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng và các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 05/2017/VCB.QB ngày 04/01/2017, anh Trần Văn H, chị Phạm Thị C đã thế chấp tài sản là quyền sử

dụng đất đối với thửa đất số 1321, tờ bản đồ số 3, diện tích 202,4 m² tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 134922, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00815 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 06/12/2016 để đảm bảo cho khoản vay trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh H và chị C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận. Tuy nhiên, qua xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện nay trên thửa đất số 1321, tờ bản đồ số 3 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, ông Trần Văn C và bà Mai Thị T đã xây một chái bếp trái phép trên phần đất cạnh phía Tây của thửa đất (chái bếp xây năm 2019 sau thời điểm thế chấp). Vì vậy, cần buộc ông C, bà T phải tháo dỡ toàn bộ chái bếp đã xây trái phép trên thửa đất số 1321, tờ bản đồ số 3 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình để trả lại nguyên hiện trạng đất cho anh H, chị C nhằm đảm bảo việc xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn anh H, chị C phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 29.413.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước;

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 157, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị C, anh Trần Văn H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C, bà Mai Thị T

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T. Buộc anh Trần Văn H và chị Phạm Thị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền tính đến ngày 11/9/2023 là 635.314.306 đồng (Trong đó nợ gốc: 454.477.292 đồng, nợ lãi trong hạn 156.689.484 đồng, nợ lãi quá hạn 24.147.530 đồng).

Trường hợp anh H, chị C không trả được nợ thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 05/2017/VCB.QB ngày 04/01/2017 mà các bên đã ký kết để thu hồi

nợ. Sau khi xử lý xong tài sản thế chấp mà vẫn không đủ để trả nợ cho khoản vay thì buộc anh H, chị C tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng T.

Buộc ông Trần Văn C và bà Mai Thị T phải phá dỡ toàn bộ phần chái bếp đã xây trái phép trên cạnh phía Tây của thửa đất số 1321, tờ bản đồ số 3 tại thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã cấp cho anh Trần Văn H và chị Phạm Thị C, trả lại nguyên hiện trạng đất cho anh H, chị C nhằm đảm bảo việc xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh H, chị C phải nộp 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để trả lại cho Ngân hàng T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Trần Văn H và chị Phạm Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 29.413.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí là 13.502.861 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003528 ngày 10/01/2023

“Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/09/2023) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc còn lại cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.